

CL, ngày 08 tháng 04 năm 2022.

Số: 94/2022/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 209A/2021/TLST-HNGĐ, ngày 9 tháng 11 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Kim N - sinh năm: 1980; địa chỉ: ấp TT, xã TTg, huyện CL, tỉnh BT.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Sử Văn N, sinh năm: 1954; địa chỉ: ấp TA, xã LT, huyện CL, tỉnh BT.

Bị đơn: Ông Trần Văn C - Sinh năm: 1976; địa chỉ: ấp TT, xã TTg, huyện CL, tỉnh BT.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và hoà giải thành ngày 31 tháng 03 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận và hoà giải thành ngày 31 tháng 03 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Trần Văn C đồng ý giao toàn bộ căn nhà cấp 4 (gồm nhà chính - có kết cấu khung bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền lát gạch ceramic, mái lợp tole tráng kẽm, trần nhựa nhà có chiều dài 4,4m và dài 12,5m, rộng 9,1m, diện tích 143,23m². Nhà phụ - khung bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền lát gạch ceramic và láng xi măng, mái lợp tole tráng kẽm, không trần, nhà có chiều dài 9,2m, rộng 4m và dài 2,2m, rộng 9,1m, diện tích 56,82m² và Sân nền bê tông không cốt thép có tổng diện tích 112,79m²) nằm trên phần đất thuộc thửa đất 525, tờ bản đồ số 22, diện tích 1029,5m², tọa lạc xã TT do Sở Tài nguyên môi

trường cấp cho bà N ngày 18/12/2020, có toàn quyền định đoạt, phần nhà + đất có tứ cận:

Đông giáp đường;

Bắc giáp thửa 238 của ông Trần Văn S;

Tây giáp thửa 239 của ông Trần Văn H;

Nam giáp thửa 533 của ông Trần Văn C.

Có họa đồ kèm theo.

Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu chia tài sản chung là phần đất thuộc thửa 528, 525, tờ bản đồ số 22 vì đã phân chia xong, ông C, bà N đã tự tách sổ và đứng tên cá nhân nên rút lại yêu cầu và không tranh chấp phần đất này.

Bà Nguyễn Kim N có nghĩa vụ giao trả lại giá trị căn nhà nêu trên cho ông Trần Văn C là 275.000.000đ (hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Án phí: Bà Nguyễn Kim N đồng ý nộp 2,5% tiền án phí DSST có giá ngạch đối với phần tài sản được nhận là: $2,5\% \times 275.000.000\text{đ} = 6.875.000\text{đ}$.

Số tiền bà Nguyễn Kim N nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001730, ngày 05/11/2021 được khấu trừ sang tiền án phí. Hoàn trả lại cho bà N số tiền chênh lệch còn lại là 2.684.000đồng.

Ông Trần Văn C đồng ý nộp 2,5% tiền án phí DSST có giá ngạch đối với phần tài sản được nhận là: $2,5\% \times 275.000.000\text{đ} = 6.875.000\text{đ}$.

Chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc định giá là 3.121.000đ bà Nguyễn Kim N tự nguyện chịu (bà Ngân đã nộp đủ).

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

LÊ THỊ THÚY HẰNG